

Bản án số: 27/2019/HS-ST
Ngày: 20 - 5 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Nhưường.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Huệ.

Ông Vũ Văn Quý.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sông Công

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2019 tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 22/2019/TLST-HS ngày 02 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2019/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Thị D**, sinh ngày 07 tháng 12 năm 1964 tại thành phố Sông Công, Thái Nguyên.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ dân phố T, phường P, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá (học vấn): 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn S (đã chết) và bà Dương Thị C (đã chết); có chồng là Chu Văn T (đã chết) và 02 con, con lớn sinh năm 1985 (đã chết), con nhỏ sinh năm 2000; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố Sông Công từ ngày 20/01/2019 đến nay - có mặt tại phiên tòa.

***Người bị hại:**

- Chị Lương Thị Ph, sinh năm 1986/ xin xét xử vắng mặt.

Trú tại: Tổ dân phố M, phường C, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

- Chị Ngô Thị Tr, sinh năm 1989/ vắng mặt.

Trú tại: Thôn 8A, thị trấn Q, huyện Đ tỉnh Thái Nguyên.

- Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1981/ vắng mặt.

Trú tại: Tổ dân phố T, phường T, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

**Người làm chứng:* Ông Phạm Văn Th, sinh năm 1974/ vắng mặt.

Trú tại: Tổ dân phố Tân Mới, phường P, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

**Người chứng kiến:* Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1978/ vắng mặt.

Trú tại: Tổ dân phố X, phường C, thành phố S tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 20/01/2019 Lê Thị D một mình điều khiển xe mô tô đến chợ Mỏ Chè, ở tổ dân phố 1, phường M thành phố S mục đích trộm cắp tài sản. Khi đến chợ, D để xe mô tô ở bãi đất trống gần khu vực bán cây cảnh và đi bộ đến Đình chợ là nơi bán quần áo, khi đi ở lối đi thứ hai đối diện dãy ki ốt C, D thấy một người phụ nữ (sau xác định là chị Ngô Thị Tr trú tại thôn 8A, thị trấn Q, huyện Đ) đang đi cùng hai con nhỏ chọn mua quần áo, thấy chị Tr để điện thoại di động Sam Sung J3 trong túi khoác bên phải của con trai là Triệu Việt C, D đi ra phía sau cháu C dùng tay phải lấy chiếc điện thoại từ túi cháu C, tắt nguồn và cất vào 01 chiếc túi nilon màu đen rồi mang ra để vào cốp xe mô tô của D. Ngay sau đó D tiếp tục đi vào khu vực bán quần áo, khi đến quầy của chị Nguyễn Thị S trú tại tổ dân phố T, phường T, thành phố S thì phát hiện trong túi áo bên trái của chị S có 01 điện thoại Sam Sung J7, lợi dụng lúc chị S không để ý, D dùng tay phải lấy chiếc điện thoại rồi đi ra tháo vút bỏ sim và vỏ ốp rồi cất giấu vào trong cốp xe mô tô của D. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày D tiếp tục đi đến khu vực quầy bán quần áo của chị Nguyễn Thị M thuộc dãy ki ốt B nhà Đình chợ thì phát hiện chị Lương Thị P trú tại tổ dân phố T, phường C, thành phố S để 01 điện thoại Oppo F1 trong túi áo bên trái và chị P đang mãi xem quần áo. D đi đến phía bên trái chị P dùng tay phải rút được chiếc điện thoại trên, khi D đang chuẩn bị cho chiếc điện thoại vừa trộm cắp được vào trong túi áo D đang mặc thì bị công an phường Mỏ Chè, thành phố Sông Công phát hiện bắt người phạm tội quả tang, tạm giữ vật chứng gồm 04 chiếc điện thoại trong đó có 03 chiếc vừa trộm cắp, 01 xe mô tô, 01 đăng ký xe mô tô, 01 chứng minh nhân dân tên Lê Thị D và 200.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐGTS ngày 21/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Sông Công, kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO-F1W có giá trị là 2.050.000 đồng, 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Sam Sung-J7 có giá trị là 2.300.000 đồng, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung J3 có giá trị là 700.000 đồng.

Vật chứng của vụ án: 03 chiếc điện thoại di động là tài sản chiếm đoạt đã được trả lại cho chủ sở hữu là chị Ngô Thị Tr, Nguyễn Thị S, Lương Thị P quản lý sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự những người bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu D phải bồi thường khoản tiền nào.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Thị D đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 27/CT-VKS ngày 31/3/2019 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công đã truy tố bị cáo Lê Thị D về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Lê Thị D phạm tội "*Trộm cắp tài sản*". Áp dụng khoản 1 Điều 173 BLHS; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, 54 Bộ luật hình sự xử phạt Lê Thị D mức án từ 04 tháng tù đến 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Những người bị hại đã nhận lại tài sản bị trộm cắp, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về vật chứng của vụ án: Trả lại bị cáo 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM-Attila BKS 20L9-6836 đã qua sử dụng; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Thị D; 01 đăng ký xe mô tô BKS 20L9-6836 mang tên Lê Thị Quỳnh Tr; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel A231 đã qua sử dụng. Tịch thu tiêu hủy 01 túi nilon màu đen. Tiếp tục tạm giữ số tiền 200.000 đồng của bị cáo để thi hành án phí.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có điều kiện thi hành nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136, 331, 333 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải nộp án phí theo quy định. Tuyên bị cáo và người bị hại có quyền kháng cáo theo luật định.

Bị cáo Lê Thị D không tranh luận, thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp của mình đúng như bản Kết luận điều tra và Cáo trạng truy tố, bị cáo đã nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Bị cáo nói lời sau cùng, xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Sông Công, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]*Về hành vi phạm tội của bị cáo:* Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác của vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định khoảng từ 8 giờ đến 10 giờ ngày 20/01/2019 tại khu vực nhà Đình chợ Mỏ Chè Lê Thị D đã trộm cắp của chị Ngô Thị Trang 01 điện thoại nhãn hiệu Sam Sung J3 trị giá 700.000 đồng, trộm cắp của chị Nguyễn Thị Sinh 01 điện thoại nhãn hiệu Sam Sung J7 có giá trị 2.300.000 đồng, trộm cắp của chị Lương Thị Phượng 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO-F1W có giá trị 2.050.000 đồng, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 5.050.000đ.

Hành vi nêu trên của bị cáo Lê Thị D đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự .

Nội dung điều luật như sau:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng... , thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm”.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đến 50.000.000 đồng”.

Ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 173 BLHS viện dẫn ở trên.

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy cần phải có một mức hình phạt tù tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để cải tạo, giáo dục thành người lương thiện, đồng thời để răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung đối với mọi người.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại cơ quan Cảnh sát điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn nhận tội, người bị hại

xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bố bị cáo được tặng thưởng Huy chương chiến thắng, bị cáo có anh trai là liệt sỹ. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo quy định tại điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do đó trong lượng hình, HĐXX đã có xem xét giảm nhẹ phần nào mức hình phạt đối với bị cáo và áp dụng Điều 54 BLHS cho bị cáo được hưởng dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, qua đó thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4]*Về hình phạt bổ sung:* Hội đồng xét xử thấy bị cáo không có điều kiện, khả năng thi hành án nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]*Về trách nhiệm dân sự:* Những người bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản tiền nào khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về vật chứng: Trả lại bị cáo 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM-Attila BKS 20L9-6836 đã qua sử dụng; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Thị D; 01 đăng ký xe mô tô BKS 20L9-6836 mang tên Lê Thị Quỳnh Trang; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel A231 đã qua sử dụng. Tịch thu tiêu hủy 01 túi nilon màu đen. Tiếp tục tạm giữ số tiền 200.000 đồng của bị cáo để thi hành án phí.

Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát trong lời luận tội đối với bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt chính là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[7]*Về án phí:* Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và những người bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Lê Thị D** phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

1. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173 BLHS; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS; Điều 38, 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị D **04** (bốn) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày **20/01/2019** (Thời hạn phạt tù bằng thời gian bị cáo D bị tạm giữ, tạm giam).

Áp dụng Điều 328 BLTTHS trả tự do cho bị cáo Lê Thị D ngay tại phiên tòa, nếu bị cáo D không bị tạm giữ, tạm giam về một tội phạm khác.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả lại bị cáo 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM-Attila BKS 20L9-6836 đã qua sử dụng; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Thị D; 01 đăng ký xe mô tô BKS 20L9-6836 mang tên Lê Thị Quỳnh Trang; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel A231 đã qua sử dụng.

- Tịch thu tiêu hủy 01 túi nilon màu đen.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 200.000 đồng của bị cáo để thi hành án phí.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lê Thị D phải chịu **200.000 đồng** (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Những người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND TP. Sông Công;
- Cơ quan CSĐT CA TP. Sông Công;
- CQTHAHS Công an TP. Sông Công;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên;
- CC T.H.A DS TP. Sông Công;
- Bị cáo;
- Lưu: HS, VP, T.H.A HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Hữu Nường